

**UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NĂM 2023**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **635** /TB-HĐTD

Nam Từ Liêm, ngày **05** tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

**Triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và ca thi, phòng thi,
số báo danh, lịch thi, hướng dẫn thực hành làm bài thi trắc nghiệm
vòng 01 của kỳ tuyển dụng viên chức quận Nam Từ Liêm năm 2023**

Thực hiện Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND quận Nam Từ Liêm về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Nam Từ Liêm năm 2023, Hội đồng tuyển dụng thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và ca thi, phòng thi, số báo danh, lịch thi, hướng dẫn thí sinh thực hành tại nhà trên internet cách làm bài thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung và môn Ngoại ngữ trên máy vi tính vòng 1 kỳ tuyển dụng viên chức quận Nam Từ Liêm năm 2023 như sau:

1. Về việc triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự tuyển:

Hội đồng tuyển dụng triệu tập các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển đã được UBND quận phê duyệt tại Quyết định số **2711**/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 tham dự lễ khai mạc kỳ thi vào 14 giờ 00' ngày 13/9/2023, Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Giáp, Tổ dân phố số 4, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Thí sinh rà soát thông tin cá nhân tại danh sách phòng thi, ca thi ban hành kèm theo Thông báo này, trong trường hợp phát sinh sai sót về thông tin cá nhân so với thông tin kê khai tại Phiếu đăng ký dự tuyển thì kịp thời thông tin đến phòng Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển dụng điều chỉnh (số điện thoại: 024.37643261)

(Có Quyết định và danh sách phòng thi, ca thi gửi kèm theo)

2. Về thời gian, địa điểm thi, ca thi, phòng thi, số báo danh, lịch thi trắc nghiệm vòng 1:

2.1. Thời gian, địa điểm tổ chức thi trắc nghiệm vòng 1:

- Thi trắc nghiệm trên máy vi tính vào ngày 14/9/2023, gồm 03 ca thi tại tầng 4, Trung tâm Đào tạo, tư vấn Công nghệ thông tin và Truyền thông của Sở Thông tin và Truyền thông, số 1 Hoàng Đạo Thúy, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Thí sinh các ca thi trắc nghiệm vòng 1 có mặt tại phòng thi theo danh sách, thí sinh mang theo giấy tờ tùy thân và tự học tập nội quy, quy chế thi, xem ca thi, phòng thi, số báo danh, sơ đồ phòng thi chi tiết kèm theo Thông báo này.

+ Ca thi số 1: Thí sinh có mặt tại phòng thi vào 6 giờ 45' ngày 14/9/2023;

- + Ca thi số 2: Thí sinh có mặt tại phòng thi vào 9 giờ 15' ngày 14/9/2023;
- + Ca thi số 3: Thí sinh có mặt tại phòng thi vào 14 giờ 00' ngày 14/9/2023;
- Mỗi ca thi, thí sinh dự thi làm 2 bài thi trắc nghiệm trên máy vi tính (trừ người được miễn thi môn Ngoại ngữ): môn thi Kiến thức chung thời gian thi 60 phút gồm 60 câu; môn Ngoại ngữ thời gian thi 30 phút gồm 30 câu.

2.2. Quy trình tổ chức một ca thi trắc nghiệm vòng 1:

- Giám thị 2 đánh số báo danh theo quy định;
- Giám thị 1 gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra giấy tờ tùy thân, kỹ thuật viên chụp ảnh thí sinh, Giám thị 2 phát mật khẩu đăng nhập hệ thống và hướng dẫn thí sinh vào vị trí máy tính; phổ biến nội quy, quy chế thi cho thí sinh.
- Tổ chức thi liên tục 2 môn theo thứ tự: môn Kiến thức chung, thời gian thi 60 phút/60 câu; môn Ngoại ngữ, thời gian thi 30 phút/30 câu, thời gian nghỉ giữa các môn 10 phút; trước khi bắt đầu thi mỗi môn, Hội đồng sẽ có tín hiệu báo bằng một hồi chuông.
- Sau khi kết thúc môn Ngoại ngữ, bộ phận máy chủ in và ký tên vào bảng kết quả 2 môn thi theo phòng thi, ca thi theo mẫu, Giám thị 2 của các phòng thi nhận kết quả tại phòng máy chủ chuyển cho Giám thị 1, gọi lần lượt thí sinh ký tên vào danh sách kết quả thi của 2 môn trắc nghiệm trước khi ra về.
- Giám thị 1 và Giám thị 2 các phòng thi ký tên vào bảng kết quả thi trắc nghiệm, tổng hợp thắc mắc của thí sinh (nếu có) nộp cho Ban coi thi ngay sau ca thi.

3. Về hướng dẫn thực hành tại nhà cách làm bài thi trắc nghiệm vòng 1

Có hướng dẫn cụ thể tại biểu 1 và biểu 2 kèm theo Thông báo này.

4. Công tác chuẩn bị

Giao các bộ phận giúp việc Hội đồng phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị đầy đủ kinh phí, cơ sở vật chất, nhân lực, phần mềm, máy chủ, phòng máy trạm, ấn phẩm... để tổ chức thi trắc nghiệm vòng 1 theo thời gian trên.

Hội đồng tuyển dụng đề nghị các thí sinh đến dự thi có mặt tại phòng thi đúng giờ, mang theo giấy tờ tùy thân và thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng.

Trên đây là Thông báo ca thi, phòng thi, số báo danh, lịch thi trắc nghiệm vòng 1 và hướng dẫn cách làm bài thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Hội đồng tuyển dụng đề nghị các cơ quan, đơn vị, thí sinh có liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận: 

- UBND quận (để báo cáo);
- Hội đồng tuyển dụng;
- Ban Giám sát; Ban coi thi;
- Cổng thông tin điện tử quận;
- Lưu: VT; NV. 


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

QUYỀN CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Trần Thanh Long

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LUYỆN TẬP TẠI NHÀ BÀI THI TRẮC NGHIỆM TRÊN MÁY VI TÍNH KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC QUẬN NAM TỪ LIÊM NĂM 2023

Để chuẩn bị tốt nhất cho thí sinh trước khi bước vào kỳ thi tuyển dụng, thí sinh có thể luyện tập, thực hành các thao tác làm bài thi trắc nghiệm trên máy tính tại địa chỉ website: <http://thitracngghiem.htncorp.vn/>

Đây là trang web với mục đích để các thí sinh **luyện tập thao tác làm bài trắc nghiệm**, mọi nội dung trong đề bài hoặc số báo danh, chuyên ngành hoàn toàn không liên quan đến bài trắc nghiệm thật.

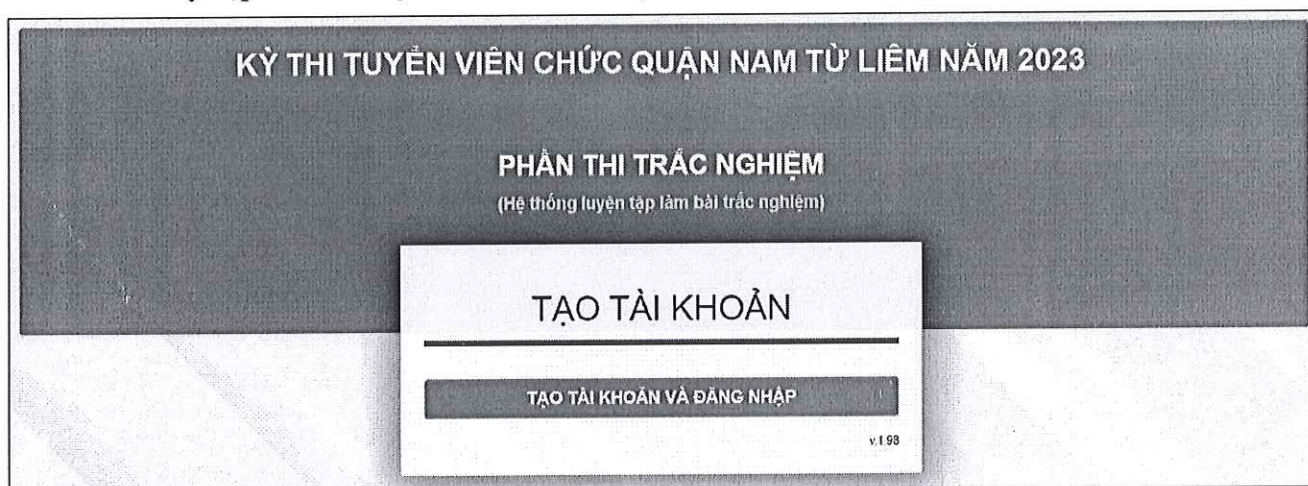
Yêu cầu: + Máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh có kết nối mạng internet
+ Trình duyệt web: Google Chrome, Firefox hoặc Cốc cốc phiên bản mới nhất.

HƯỚNG DẪN THÍ SINH LÀM BÀI LUYỆN TẬP TRẮC NGHIỆM

Đối với phần luyện tập tại nhà, thí sinh tham gia không cần đăng ký tài khoản hay khai báo thông tin. Thí sinh thực hiện theo các bước sau:

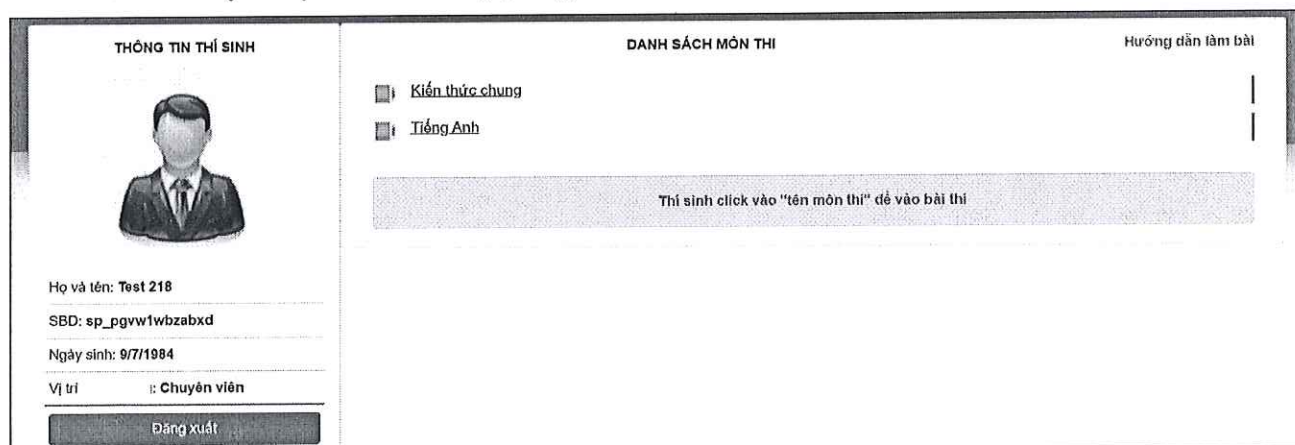
1. Truy cập địa chỉ trang web: <http://thitracngghiem.htncorp.vn/>

Khi truy cập thành công màn hình của máy tính sẽ hiển thị như sau:



Thí sinh nhấn nút “TẠO TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG NHẬP” để tiếp tục.

2. Giao diện chọn môn thi luyện tập



⇒ Lưu ý: Thông tin thí sinh tại giao diện trên được hệ thống khởi tạo ngẫu nhiên.

3. Các thao tác tiếp theo vào đề bài, làm và nộp bài thí sinh tiến hành thực hiện như trong bài “Hướng dẫn làm bài thi trắc nghiệm trên máy tính”.

CHÚC CÁC THÍ SINH THÀNH CÔNG !

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI TRẮC NGHIỆM TRÊN MÁY VI TÍNH KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC QUẬN NAM TỪ LIÊM NĂM 2023

I. HƯỚNG DẪN THÍ SINH ĐĂNG NHẬP VÀO HỆ THỐNG

1. Màn hình trước khi đăng nhập

Khi thí sinh ngồi vào máy chuẩn bị làm bài thi trắc nghiệm màn hình của máy tính sẽ hiển thị như sau:

- Thí sinh điền các thông tin sau vào ô đăng nhập

+ Số báo danh, Mật khẩu

+ Số báo danh và mật khẩu sẽ cấp cho thí sinh trước khi vào phòng thi trắc nghiệm.

Sau khi điền xong, thí sinh nhấp chuột vào nút “**Đăng nhập**” để vào hệ thống.

2. Màn hình sẽ hiển thị khi thí sinh đăng nhập thành công:

Khi thí sinh đăng nhập thành công màn hình hiển thị thông tin của thí sinh bao gồm: Ảnh, Họ và tên, Số báo danh, Vị trí dự tuyển ở phía bên tay phải. (Ảnh của thí sinh sẽ được chụp và cập nhật trước khi thí sinh vào phòng thi)

Ví dụ: Thí sinh có số báo danh là: **A0001** - Họ và tên: **Nguyễn Văn A1** - Vị trí dự tuyển: **Vị trí 1**, khi đăng nhập thành công màn hình sẽ hiển thị như sau:

Phần thi trắc nghiệm gồm hai môn thi hiển thị theo thứ tự:

- + Kiến thức chung;
- + Ngoại ngữ (Tiếng Anh);

***Lưu ý:** Màn hình hiển thị thông báo khi thí sinh đăng nhập bằng số báo danh của người khác đã được đăng nhập trước đó.

Trong 1 ca thi trắc nghiệm thí sinh chỉ được đăng nhập duy nhất số báo danh của mình vào trang web trên máy tính được chỉ định sử dụng.

Trong trường hợp thí sinh bị người khác đăng nhập nhầm, hoặc cố ý đăng nhập số báo danh của mình trước khi thí sinh đăng nhập thì màn hình sẽ hiển thị thông báo như sau:

THÔNG BÁO	
Số báo danh đã đăng nhập trên máy tính khác. Bạn cần thông báo với giám thị	
Quay lại trang chủ	

Thí sinh thông báo giám thị để kịp thời tiến hành xử lý.

II. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI TRẮC NGHIỆM VÀ NỘP BÀI

Bước 1. Sau khi có hiệu lệnh làm bài thí sinh nhấn chuột vào tên môn thi để hệ thống chuyển sang giao diện như sau:

CHÚ Ý KHI LÀM BÀI THI MÔN: KIẾN THỨC CHUNG	
• Số lượng câu hỏi: 60 câu • Thời gian làm bài: 60 phút • Khi thí sinh bắt đầu làm bài thi, thời gian sẽ được tính. Thí sinh bắt buộc phải hoàn thành bài thi của mình trong thời gian quy định, quá thời gian này hệ thống sẽ tự động dừng bài thi của thí sinh và trả về kết quả! • Thí sinh nhấn nút: "Bắt đầu làm bài" để vào bài thi, hoặc bài thi được tự động bắt đầu sau: 00:54	
Bắt đầu làm bài	

- Tại giao diện trên, thí sinh nhấn chuột vào nút **"Bắt đầu làm bài"**, hệ thống sẽ hiển thị đề gồm 60 câu và các phương án trả lời của từng câu như sau:

BÀI LÀM		01:00:00																																											
Câu hỏi 1: Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục, văn bằng là? ☐ Cả 02 phương án trên đều đúng. ☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp trình độ đào tạo theo quy định của Luật này. ☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học.		<table border="1"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr> <tr><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td></tr> <tr><td>15</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>19</td><td>20</td><td>21</td></tr> <tr><td>22</td><td>23</td><td>24</td><td>25</td><td>26</td><td>27</td><td>28</td></tr> <tr><td>29</td><td>30</td><td>31</td><td>32</td><td>33</td><td>34</td><td>35</td></tr> <tr><td>36</td><td>37</td><td>38</td><td>39</td><td>40</td><td>41</td><td>42</td></tr> </table>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
1	2	3	4	5	6	7																																							
8	9	10	11	12	13	14																																							
15	16	17	18	19	20	21																																							
22	23	24	25	26	27	28																																							
29	30	31	32	33	34	35																																							
36	37	38	39	40	41	42																																							
Câu hỏi 2: Nội dung nào là không thuộc hình thức kỷ luật viên chức không giữ chức vụ quản lý quy định trong Luật Viên chức? ☐ Cảnh cáo ☐ Khiển trách ☐ Cách chức		Chú ý: - Màu đen: Câu hỏi chưa trả lời - Màu xanh: Câu hỏi đã trả lời  + Họ và tên: Nguyễn Văn A1 + Số báo danh: A0001 HỌP BÀI																																											
Câu hỏi 3: Chế độ tập sự được quy định trong Luật Viên chức là: ☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. ☐ Thời gian tập sự từ 01 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. ☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và không được quy định trong hợp đồng làm việc.																																													

Màn hình hiển thị đề thi trắc nghiệm chi tiết gồm 2 phần

*** Phần bên trái bao gồm:**

- Danh mục câu hỏi:

+ Thí sinh có thể chuyển đến câu hỏi bất kì trong bài làm bằng cách nhấp chuột vào ô số thứ tự câu hỏi đó.

+ Khi thí sinh trả lời câu hỏi, ô câu đánh số tương ứng hỏi đó sẽ được đổi từ màu đen sang màu xanh.

Thời gian: Đồng hồ sẽ đếm ngược thời gian làm bài của thí sinh từ phút 60 về đến 0. Thí sinh theo dõi thời gian để làm bài và nộp bài, khi thời gian làm bài hết 60 phút hệ thống sẽ tự nộp bài của thí sinh.

Thông tin của thí sinh: Họ và tên - Số báo danh.

*** Phần trung tâm bao gồm:**

- Nội dung đề bài:

+ Nội dung câu hỏi và phương án trả lời của 60 câu hỏi

+ Thí sinh di chuyển từ Câu hỏi 1 đến Câu hỏi 60 bằng cách kéo thanh cuộn bên phía tay phải hoặc nhấp chuột vào ô câu đánh số tương ứng.

+ Thí sinh trả lời câu hỏi bằng cách nhấp chuột vào phương án trả lời cho là đúng nhất.

+ Thí sinh có thể thay đổi câu trả lời khi thời gian làm bài chưa kết thúc.

- Khi làm bài, thí sinh trả lời câu hỏi nào hệ thống sẽ tự động lưu câu hỏi đó, đảm bảo bài làm luôn được lưu trong hệ thống để phòng trường hợp xảy ra sự cố như: Mất điện, mất mạng...

+ Các câu hỏi được trả lời sẽ đổi màu trên ô **"Danh sách câu hỏi"** để thí sinh kiểm soát được trong quá trình làm bài.

Bước 2. Kết thúc và Nộp bài

- Để nộp bài trắc nghiệm, thí sinh nhấp chuột vào nút **"Nộp bài"**

- Khi thí sinh nhấp chuột vào nút **"Nộp bài"** màn hình sẽ xuất hiện thông báo xác nhận nộp bài **"Sau khi kết thúc, bạn sẽ không thể thay đổi bài làm, bạn có chắc chắn nộp bài trắc nghiệm?"**. Thí sinh nhấp chuột vào nút **"Đồng ý"** để nộp bài, nhấp chuột vào nút **"Hủy"** nếu chưa chắc chắn.

BÀI LÀM		00:58:27
Câu hỏi 1: Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục, văn bằng là?		1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42
☒ Cả 02 phương án trên đều đúng. ☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp trình độ đào tạo theo quy định của Luật này. ☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học.		Chú ý: - Màu đen: Câu hỏi chưa trả lời - Màu xanh: Câu hỏi đã trả lời
Câu hỏi 2: Nội dung nào là không thuộc hình thức kỷ luật viên chức không giữ chức vụ quản lý quy định trong Luật Viên chức?		
☒ Cảnh cáo ☐ Khiển trách ☐ Cách chức		+ Họ và tên: Nguyễn Văn A1 + Số báo danh: A0001
Câu hỏi 3: Chế độ tập sự được quy định trong Luật Viên chức là:		NỘP BÀI
☒ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. ☐ Thời gian tập sự từ 01 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. ☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và không được quy định trong hợp đồng làm việc.		

localhost says

Sau khi xác nhận kết thúc, bạn sẽ không thể thay đổi bài làm! Bạn có chắc chắn muốn kết thúc bài thi tại thời điểm này?

OK Cancel

00:58:12

1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31	32	33	34	35
36	37	38	39	40	41	42

Chú ý:

- Màu đen: Câu hỏi chưa trả lời
- Màu xanh: Câu hỏi đã trả lời



Họ và tên: Nguyễn Văn A1
Số báo danh: A0001

HỢP BÀI

Câu hỏi 1:

Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục, văn bằng là?

☒ Cả 02 phương án trên đều đúng.

☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp trình độ đào tạo theo quy định của Luật này.

☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học.

Câu hỏi 2:

Nội dung nào là không thuộc hình thức kỷ luật viên chức không giữ chức vụ quản lý quy định trong Luật Viên chức?

☒ Cảnh cáo

☐ Khiển trách

☐ Cách chức

Câu hỏi 3:

Chế độ tập sự được quy định trong Luật Viên chức là:

☒ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.

☐ Thời gian tập sự từ 01 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.

☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và không được quy định trong hợp đồng làm việc.

- Khi thí sinh nhấp chuột vào nút “Đồng ý” hệ thống chấm điểm bài thi và chuyển đến màn hình kết quả của thí sinh như sau:

KẾT QUẢ BÀI THI					
SBD	Họ và tên	Bắt đầu	Kết thúc	Thời gian làm bài	Số câu đúng
A0001	Nguyễn Văn A1	10:19:46 08/10/2020	10:21:53 08/10/2020	00:01:49 (giờ:phút:giây)	4

Câu hỏi 1:

Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục, văn bằng là?

☒ Cả 02 phương án trên đều đúng.

☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp trình độ đào tạo theo quy định của Luật này.

☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học.

Trả lời đúng

Câu hỏi 2:

Nội dung nào là không thuộc hình thức kỷ luật viên chức không giữ chức vụ quản lý quy định trong Luật Viên chức?

☒ Cảnh cáo

☐ Khiển trách

☐ Cách chức

Trả lời sai

Câu hỏi 3:

Chế độ tập sự được quy định trong Luật Viên chức là:

☒ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.

☐ Thời gian tập sự từ 01 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.

☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và không được quy định trong hợp đồng làm việc.

Trả lời đúng

Danh sách câu hỏi

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50

Chú thích:

Màu xanh: Câu trả lời đúng

Màu đỏ: Câu trả lời sai

Màu vàng: Câu hỏi không trả lời

KẾT THÚC

Câu hỏi 39:

Theo quy định của Luật Viên chức thì trách nhiệm **tổ chức việc** đánh giá viên chức đơn vị sự nghiệp công lập là:

☐ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

☐ Cơ quan cấp trên của Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

☐ Tập thể lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập.

Không trả lời

Danh sách câu hỏi

11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60

Chú thích:

Màu xanh: Câu trả lời đúng

Màu đỏ: Câu trả lời sai

Màu vàng: Câu hỏi không trả lời

KẾT THÚC

Câu hỏi 40:

Có bao nhiêu cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân?

☐ 5

☐ 4

☐ 3

Không trả lời

Danh sách câu hỏi

11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60

Chú thích:

Màu xanh: Câu trả lời đúng

Màu đỏ: Câu trả lời sai

Màu vàng: Câu hỏi không trả lời

KẾT THÚC

Câu hỏi 41:

Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009, tổ chức loại hình nhà trường nào sau đây không trong hệ thống giáo dục quốc dân?

☐ Trường bán công.

☐ Trường dân lập.

☐ Trường tư thục.

Không trả lời

Danh sách câu hỏi

11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60

Chú thích:

Màu xanh: Câu trả lời đúng

Màu đỏ: Câu trả lời sai

Màu vàng: Câu hỏi không trả lời

KẾT THÚC

Câu hỏi 58: Theo quy định tại Luật Viên chức thì cơ quan nào sau đây quy định cụ thể quy trình, thủ tục thi hoặc xét, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của viên chức, phân công, phân cấp việc tổ chức thi hoặc xét, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của viên chức? ☐ Chính phủ. ☐ Chủ tịch UBND cấp huyện. ☒ Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Trả lời sai Câu hỏi 59: Theo quy định của Luật Viên chức thì trách nhiệm đánh giá viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: ☐ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. ☐ Người có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập. ☒ Tập thể lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập. Trả lời sai Câu hỏi 60: Theo quy định tại Luật Viên chức thì nội dung nào sau đây thuộc Hợp đồng làm việc: ☐ Tên, địa chỉ của đơn vị sự nghiệp công lập và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; ☐ Tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập; ☒ Tên, địa chỉ của đơn vị sự nghiệp công lập và người đứng đầu cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập; Trả lời sai	Danh sách câu hỏi <table border="1"> <tr><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td><td>15</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>19</td><td>20</td></tr> <tr><td>21</td><td>22</td><td>23</td><td>24</td><td>25</td><td>26</td><td>27</td><td>28</td><td>29</td><td>30</td></tr> <tr><td>31</td><td>32</td><td>33</td><td>34</td><td>35</td><td>36</td><td>37</td><td>38</td><td>39</td><td>40</td></tr> <tr><td>41</td><td>42</td><td>43</td><td>44</td><td>45</td><td>46</td><td>47</td><td>48</td><td>49</td><td>50</td></tr> <tr><td>51</td><td>52</td><td>53</td><td>54</td><td>55</td><td>56</td><td>57</td><td>58</td><td>59</td><td>60</td></tr> </table> Chú thích: Màu xanh: Câu trả lời đúng Màu đỏ: Câu trả lời sai Màu vàng: Chưa trả lời KẾT THÚC	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20																																										
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30																																										
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40																																										
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50																																										
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60																																										

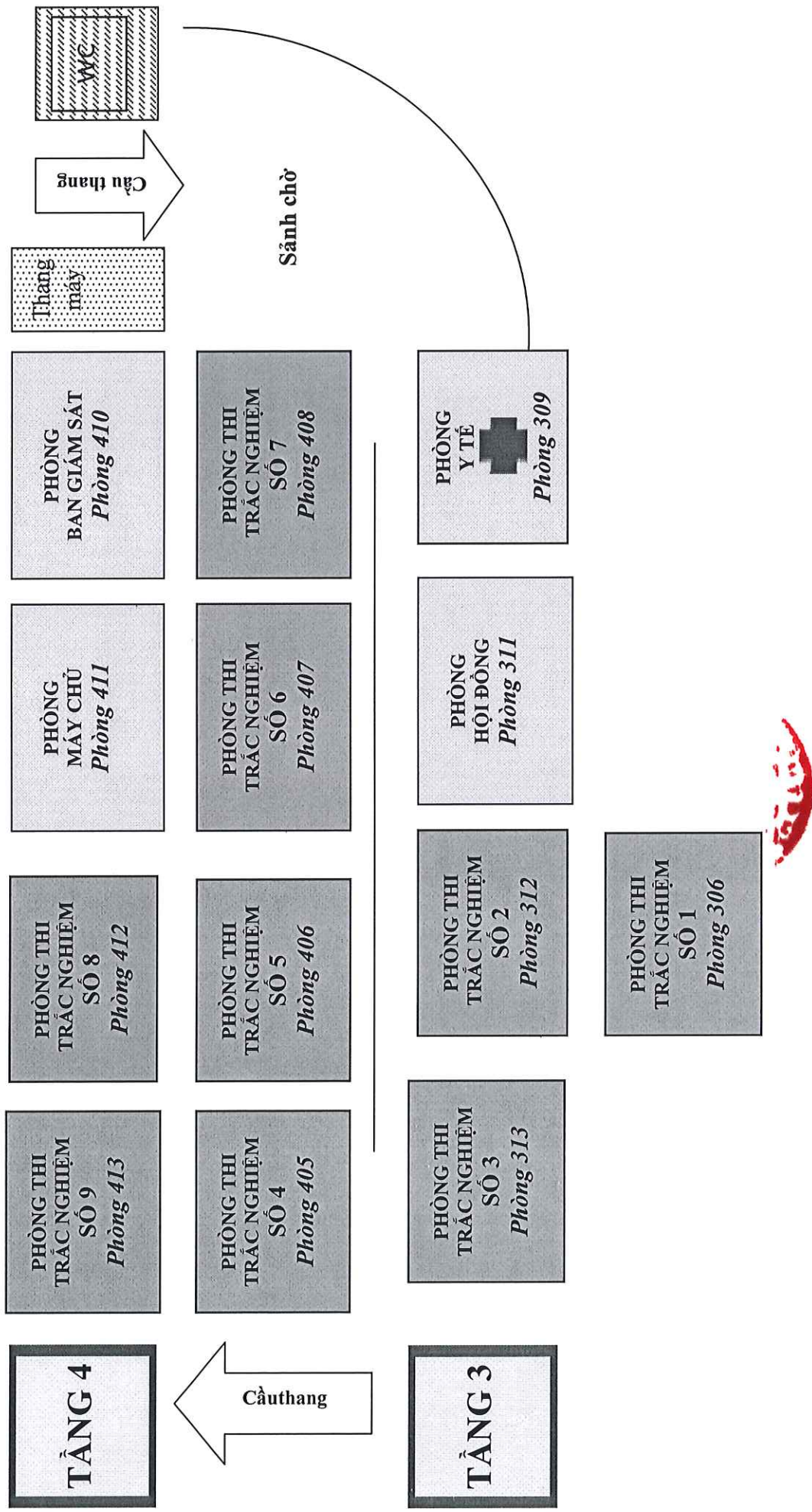
- * Phần bên trái: Khung chứa cố định trên màn hình bao gồm:**
- **Danh mục câu hỏi:**
 - + Mỗi ô thể hiện trạng thái kết quả tương ứng với câu hỏi đó bao gồm: **Màu xanh lá cây:** Câu hỏi trả lời đúng - **Màu đỏ:** Câu hỏi trả lời là sai - **Màu vàng:** Câu hỏi không trả lời.
 - **Thông tin thí sinh:**
 - + Họ và tên
 - + Số báo danh
 - * **Phần trung tâm: Hiện thị thống kê kết quả bài làm**
 - **Phía bên trên** hiển thị ô thông tin bao gồm:
 - + Bắt đầu lúc: Thời gian bắt đầu làm bài
 - + Kết thúc lúc: Thời gian nộp bài
 - + Thời gian thực hiện bài thi
 - + Kết quả: Tổng số câu đúng
 - **Phía bên dưới:** Hiện thị toàn bộ thông tin kết quả của 60 câu hỏi:
 - + Dưới mỗi câu hỏi là thông báo trả lời đúng, sai hoặc không trả lời của câu hỏi đó được tô bằng dòng kẻ vàng
 - + Câu hỏi trả lời đúng: phương án trả lời đúng được tô bằng dòng màu xanh lá cây
 - + Câu hỏi trả lời sai: phương án trả lời được tô bằng dòng màu đỏ
 - + Câu hỏi chưa trả lời: màu của câu hỏi và các phương án trả lời

CHÚC CÁC THÍ SINH THÀNH CÔNG !

SƠ ĐỒ PHÒNG THI KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số **6.3.5**../TB-HĐTD ngày **05**./9/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Nam Từ Liêm năm 2023)

SƠ ĐỒ THI TRẮC NGHIỆM VÒNG 1 TẠI TẦNG 3 và 4



DANH SÁCH CÁN BỘ, PHÒNG THI, SBD KỶ THI TUYỂN VIÊN CHỨC QUẬN NAM TỪ LIÊM NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số 65/TB-HĐTD ngày 05/9/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Nam Từ Liêm năm 2023)

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	1	1	NTL001	Đặng Thùy Dung	13/12/1996	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Du
1	1	2	NTL002	Nguyễn Thị Liên	16/5/1991	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Du
1	1	3	NTL003	Kim Văn Quyết	19/8/1990	Nam	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Du
1	1	4	NTL004	Doãn Thị Kim Tuyền	29/9/1993	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Du
1	1	5	NTL005	Ngô Thị Ngọc Ánh	14/11/2000	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Quý Đức
1	1	6	NTL006	Nguyễn Thị Hương	26/7/1992	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Quý Đức
1	1	7	NTL007	Hồ Thị Thanh Huyền	9/9/1985	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Quý Đức
1	1	8	NTL008	Nguyễn Thị Lan	13/8/1993	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Quý Đức
1	1	9	NTL009	Hoàng Thị Phương	27/7/1993	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Quý Đức
1	1	10	NTL010	Trần Thị Phương	1/7/1988	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Quý Đức
1	1	11	NTL011	Nguyễn Thị Sáu	20/04/1988	Nữ	Anh	Âm nhạc	TH Nguyễn Quý Đức
1	1	12	NTL012	Lê Văn Anh	19/11/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	13	NTL013	Bùi Lan Anh	24/6/1992	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	14	NTL014	Đặng Thị Kim Chi	12/9/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	15	NTL015	Trịnh Thị Phương Dung	19/8/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	16	NTL016	Đinh Thị Thanh Hà	27/3/1992	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	17	NTL017	Vũ Thị Thanh Hào	30/12/1991	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	18	NTL018	Lý Thị Hoa	1/1/1991	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	19	NTL019	Dương Thị Phương	3/2/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	1	20	NTL020	Đào Thị Hồng Việt	1/12/1981	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Cầu Diễn
1	2	1	NTL021	Nguyễn Quốc Anh	30/11/1996	Nam	MNN	Tiếng Anh	TH Đại Mỗ
1	2	2	NTL022	Mai Thị Phương Nhung	26/9/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Đại Mỗ
1	2	3	NTL023	Trần Thị Tâm	23/3/1986	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Đại Mỗ
1	2	4	NTL024	Bùi Thị Thảo	10/1/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Đại Mỗ
1	2	5	NTL025	Nguyễn Thị Thủy	12/7/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Đại Mỗ
1	2	6	NTL026	Nguyễn Thị Xuyên Trang	16/11/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Đại Mỗ
1	2	7	NTL027	Đặng Thị Bình	26/7/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	8	NTL028	Lê Thị Kim Cúc	3/2/1981	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	9	NTL029	Ngô Thị Hằng	22/12/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	10	NTL030	Trần Thu Hiền	4/9/1999	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	2	11	NTL031	Phạm Minh	Hoa	1/10/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	12	NTL032	Hoàng Thu	Huyền	28/11/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	13	NTL033	Đỗ Thị Bích	Liên	16/4/1995	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	14	NTL034	Đỗ Minh	Nguyệt	10/10/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	15	NTL035	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	7/8/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	16	NTL036	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/1/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	TH Trung Văn
1	2	17	NTL037	Nguyễn Thị	Ánh	14/11/1990	Nữ	Anh	Tin học	TH Cầu Diễn
1	2	18	NTL038	Hà Thị	Dung	15/6/1995	Nữ	Anh	Tin học	TH Cầu Diễn
1	2	19	NTL039	Đặng Huy	Hoàng	26/10/1991	Nữ	Anh	Tin học	TH Cầu Diễn
1	2	20	NTL040	Uông Thị	Phương	8/01/1996	Nữ	Anh	Tin học	TH Cầu Diễn
1	2	21	NTL041	Lê Thị	Thu	7/11/1984	Nữ	Anh	Tin học	TH Cầu Diễn
1	2	22	NTL042	Nguyễn Thị	Tiêm	22/11/1986	Nữ	Anh	Tin học	TH Lý Nam Đế
1	2	23	NTL043	Lê Đức	Anh	11/9/1994	Nam	Anh	Tin học	TH Trung Văn
1	2	24	NTL044	Ngô Thị	Thanh	12/2/1989	Nữ	Anh	Tin học	TH Trung Văn
1	2	25	NTL045	Nguyễn Thị Kim	An	26/10/1990	Nữ	Anh	Văn thư	TH Phú Đô
1	2	26	NTL046	Nguyễn Duy	Anh	27/5/1988	Nam	Anh	Văn thư	TH Phú Đô
1	2	27	NTL047	Đỗ Thị	Duyên	3/8/1984	Nữ	Anh	Văn thư	TH Phú Đô
1	2	28	NTL048	Trần Thị Thu	Hường	21/6/1986	Nữ	Anh	Văn thư	TH Phú Đô
1	2	29	NTL049	Nguyễn Thị	Nhung	5/11/1993	Nữ	Anh	Văn thư	TH Phú Đô
1	2	30	NTL050	Bùi Thu	Trang	2/7/1983	Nữ	Anh	Văn thư	TH Phú Đô
1	2	31	NTL051	Vũ Thị	Hân	18/8/1993	Nữ	Anh	Văn thư	TH Trung Văn
1	2	32	NTL052	Đỗ Thanh	Hằng	31/10/2000	Nữ	MNN	Văn thư	TH Trung Văn
1	2	33	NTL053	Trần Diệu	Linh	27/3/1992	Nữ	Anh	Văn thư	TH Trung Văn
1	2	34	NTL054	Đinh Thị	Thu	04/5/1994	Nữ	Anh	Văn thư	TH Trung Văn
1	2	35	NTL055	Lê Thị	Hằng	25/1/1989	Nữ	Anh	Văn thư	TH Xuân Phương
1	2	36	NTL056	Trần Thị	Hằng	20/7/1984	Nữ	Anh	Văn thư	TH Xuân Phương
1	3	1	NTL057	Nguyễn Minh	Hiếu	22/1/1985	Nữ	MNN	Văn thư	TH Xuân Phương
1	3	2	NTL058	Nguyễn Thị Thu	Hường	3/1/1996	Nữ	Anh	Văn thư	TH Xuân Phương
1	3	3	NTL059	Ngô Thị	Thảo	9/3/1988	Nữ	Anh	Văn thư	TH Xuân Phương
1	3	4	NTL060	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/9/2000	Nữ	Anh	Văn thư	TH Xuân Phương
1	3	5	NTL061	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/9/1993	Nữ	Anh	Văn thư	TH Xuân Phương
1	3	6	NTL062	Nguyễn Huyền	An	28/3/1995	Nữ	Anh	Âm nhạc	THCS Mỹ Đình 1
1	3	7	NTL063	Hoàng Thùy	Dương	3/2/1999	Nữ	Anh	Âm nhạc	THCS Mỹ Đình 1

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	3	8	NTL064	Nguyễn Thu	Giang	11/7/1992	Nữ	Anh	Âm nhạc	THCS Mỹ Đình 1
1	3	9	NTL065	Nguyễn Thị	Hương	10/01/1988	Nữ	Anh	Âm nhạc	THCS Mỹ Đình 1
1	3	10	NTL066	Nguyễn Thùy	Linh	18/3/1995	Nữ	Anh	Âm nhạc	THCS Mỹ Đình 1
1	3	11	NTL067	Bùi Thị Ngọc	Mến	11/1/1991	Nữ	Anh	Âm nhạc	THCS Mỹ Đình 1
1	3	12	NTL068	Đặng Thị Kim	Nhung	4/3/1989	Nữ	Anh	Âm nhạc	THCS Mỹ Đình 1
1	3	13	NTL069	Phạm Thị Ngọc	Diệp	22/5/1996	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 1
1	3	14	NTL070	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	20/12/1998	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 1
1	3	15	NTL071	Bùi Thị	Ngoan	14/9/2000	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 1
1	3	16	NTL072	Nguyễn Thị Minh	Thu	29/10/1999	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 1
1	3	17	NTL073	Đặng Thị	Yên	12/2/1991	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 1
1	3	18	NTL074	Lại Ngọc	Ánh	27/2/1997	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 2
1	3	19	NTL075	Hoàng Thu	Hiền	26/7/1999	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 2
1	3	20	NTL076	Chu Thị	Vân	22/11/1997	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 2
1	3	21	NTL077	Nguyễn Thị Hải	Yến	16/10/1998	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Mỹ Đình 2
1	3	22	NTL078	Hoàng Thị	Hải	3/11/1995	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Cầu Diễn
1	3	23	NTL079	Nguyễn Thị	Hằng	20/02/1989	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Tây Mỗ
1	3	24	NTL080	Nguyễn Hoàng	Ngân	25/12/2000	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Tây Mỗ
1	3	25	NTL081	Lê Thị	Thảo	28/10/1992	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Tây Mỗ
1	3	26	NTL082	Nguyễn Thị Thu	Hiền	15/3/1992	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Xuân Phương
1	3	27	NTL083	Vũ Thị Thùy	Linh	30/4/1998	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Xuân Phương
1	3	28	NTL084	Hoàng Thị	Phương	6/12/1994	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Xuân Phương
1	3	29	NTL085	Lê Thị Thúy	Phương	10/8/1999	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Xuân Phương
1	3	30	NTL086	Chu Thị Thanh	Tâm	16/4/1993	Nữ	Anh	Địa lý	THCS Xuân Phương
1	3	31	NTL087	Nguyễn Thị	Hương	20/4/1991	Nữ	Anh	GDCD	THCS Cầu Diễn
1	3	32	NTL088	Nguyễn Thị	Hiền	19/1/1997	Nữ	Anh	GDCD	THCS Cầu Diễn
1	3	33	NTL089	Nguyễn Thị	Mến	1/7/1991	Nữ	Anh	GDCD	THCS Cầu Diễn
1	3	34	NTL090	Phạm Thị	Huệ	19/10/1990	Nữ	Anh	GDCD	THCS Nguyễn Quý Đức
1	3	35	NTL091	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	17/6/2001	Nữ	Anh	GDCD	THCS Nguyễn Quý Đức
1	3	36	NTL092	Lê Quỳnh	Trang	17/9/2001	Nữ	Anh	GDCD	THCS Nguyễn Quý Đức
1	4	1	NTL093	Lê Thị	Hương	17/5/1992	Nữ	Anh	GDCD	THCS Xuân Phương
1	4	2	NTL094	Đinh Thị Thu	Hương	8/12/1991	Nữ	Anh	GDCD	THCS Xuân Phương
1	4	3	NTL095	Nguyễn Thị	Ngoan	2/7/1990	Nữ	Anh	GDCD	THCS Xuân Phương
1	4	4	NTL096	Nguyễn Thanh	Nhường	17/9/2000	Nữ	Anh	GDCD	THCS Xuân Phương

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	4	5	NTL097	NguyễnThị Thắm	17/1/1997	Nữ	Anh	GDCD	THCS Xuân Phương
1	4	6	NTL098	Lê Thị Huyền Trân	10/7/1988	Nữ	Anh	GDCD	THCS Xuân Phương
1	4	7	NTL099	Nguyễn Thị Lan Anh	30/7/1995	Nữ	Anh	GDTC	THCS Cầu Diễn
1	4	8	NTL100	Ngô Thị Quyên	5/11/1987	Nữ	Anh	GDTC	THCS Cầu Diễn
1	4	9	NTL101	Nguyễn Danh Toàn	22/7/2000	Nam	Anh	GDTC	THCS Cầu Diễn
1	4	10	NTL102	Cao Thị Hải Yến	10/10/1989	Nữ	Anh	GDTC	THCS Cầu Diễn
1	4	11	NTL103	Nguyễn Như Duy	23/9/1996	Nam	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	12	NTL104	Lê Thành Đông	14/8/1996	Nam	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	13	NTL105	Vũ Thị Hương	13/3/1999	Nữ	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	14	NTL106	Triệu Thị Diệu	15/2/1994	Nữ	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	15	NTL107	Lã Thu Hằng	10/09/2001	Nữ	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	16	NTL108	Chu Kim Hiên	5/10/1999	Nữ	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	17	NTL109	Nguyễn Thị Khanh	6/2/1987	Nữ	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	18	NTL110	Nguyễn Đình Quang	13/2/1996	Nữ	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	19	NTL111	Nguyễn Văn Thịnh	30/1/1995	Nam	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	20	NTL112	Trần Thị Tố Uyên	27/10/1996	Nữ	Anh	GDTC	THCS Mỹ Đình 1
1	4	21	NTL113	Trần Thị Thùy Dung	24/3/1988	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	4	22	NTL114	Nguyễn Nhị Hà	20/9/1992	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	4	23	NTL115	Khương Thu Hiền	1/10/1990	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	4	24	NTL116	Hồ Khánh Linh	30/8/2000	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	4	25	NTL117	Vũ Thị Ngọc Linh	27/4/2000	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	4	26	NTL118	Kiều Thị Hòa	4/5/1995	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	5	1	NTL119	Phùng Thị Ngọc Ánh	4/7/1999	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	2	NTL120	Nguyễn Mạnh Cường	28/1/1998	Nam	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	3	NTL121	Nguyễn Thị Dương	17/12/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	4	NTL122	Nguyễn Văn Hậu	16/4/2000	Nam	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	5	NTL123	Nguyễn Thị Thu Hương	06/06/2000	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	6	NTL124	Hoàng Thu Hường	7/7/1999	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	7	NTL125	Nguyễn Thị Hường	27/05/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	8	NTL126	Nguyễn Ánh Nguyệt	13/2/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	9	NTL127	Nguyễn Thị Nhung	25/5/1991	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	10	NTL128	Nguyễn Thị Kiều Oanh	16/9/1990	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	11	NTL129	Trần Thị Thêu	25/10/1991	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	5	12	NTL130	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	18/3/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	13	NTL131	Nguyễn Thị Thúy	6/12/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	14	NTL132	Nguyễn Thị Thủy	6/4/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	15	NTL133	Đỗ Thị Thu Trang	13/6/1995	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	16	NTL134	Phạm Văn Tuấn	1/5/1994	Nam	Anh	Hóa học	THCS Cầu Diễn
1	5	17	NTL135	Nguyễn Quế Anh	22/8/2000	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	18	NTL136	Kiều Thị Phương Anh	4/11/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	19	NTL137	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/9/1999	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	20	NTL138	Nghiêm Thị Dịu	26/4/1990	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	21	NTL139	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	12/3/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	22	NTL140	Mai Thanh Huyền	3/12/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	23	NTL141	Đỗ Thị Linh	28/4/1998	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	24	NTL142	Nguyễn Thị Nhung	13/3/1992	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	25	NTL143	Phan Thị Phương	16/10/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	5	26	NTL144	Bùi Thị Thơm	22/8/1998	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	6	1	NTL145	Nguyễn Thị Thủy	10/9/1999	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	6	2	NTL146	Vũ Thị Hồng Tuyền	12/6/1991	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	6	3	NTL147	Phạm Thị Xoan	20/9/1989	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	6	4	NTL148	Bùi Thị Xuân	7/4/1991	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	6	5	NTL149	Trương Thị Yến	22/12/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Mỹ Trì
1	6	6	NTL150	Nguyễn Thị Lan Anh	1/9/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	7	NTL151	Đỗ Thị Chanh	18/4/1991	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	8	NTL152	Hoàng Thị Chúc	12/9/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	9	NTL153	Nguyễn Thị Thúy Hòa	7/11/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	10	NTL154	Nguyễn Thị Thanh Hường	21/11/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	11	NTL155	Phạm Thị Thu Hương	27/9/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	12	NTL156	Ngô Thị Hường	2/1/1990	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	13	NTL157	Đỗ Thị Loan	24/9/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	14	NTL158	Hoàng Thị Lý	19/9/1993	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	15	NTL159	Nguyễn Thị Ngân	14/1/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	16	NTL160	Nguyễn Thị Ngọc	13/5/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	17	NTL161	Vũ Thị Nhung	15/6/1992	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	18	NTL162	Nguyễn Thị Phượng	16/10/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	6	19	NTL163	Phạm Hà	Phương	9/3/1995	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	20	NTL164	Hà Mai	Phương	28/8/1998	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	21	NTL165	Trịnh Thị	Phương	20/11/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	22	NTL166	Hoàng Thị	Thảo	27/6/1999	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	23	NTL167	Nguyễn Thanh	Thủy	2/4/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	24	NTL168	Công Thu	Trà	14/12/1999	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	25	NTL169	Đỗ Thị Phương	Trang	15/12/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Nguyễn Quý Đức
1	6	26	NTL170	Nguyễn Thị Hương	Giang	13/10/1993	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	7	1	NTL171	Nguyễn Thị	Hường	31/10/1995	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	7	2	NTL172	Nguyễn Thị Sông	Hương	21/6/2000	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Phú Đô
1	7	3	NTL173	Nguyễn Thị	Ánh	03/01/1995	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	4	NTL174	Phan Thị	Ánh	19/10/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	5	NTL175	Nguyễn Thị	Hậu	31/10/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	6	NTL176	Đặng Thị	Hồng	9/4/1995	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	7	NTL177	Phạm Thị	Lan	26/2/1994	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	8	NTL178	Phan Ngọc	Linh	29/12/1996	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	9	NTL179	Ngô Thị	Phương	16/9/1997	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	10	NTL180	Hoàng Thanh	Tâm	23/7/1995	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	11	NTL181	Dương Thị Thu	Trang	05/11/1999	Nữ	Anh	Hóa học	THCS Xuân Phương
1	7	12	NTL182	Nguyễn Văn	Ồn	20/8/1991	Nam	Anh	KTCN	THCS Tây Mỗ
1	7	13	NTL183	Nguyễn Thị	Yên	15/9/1991	Nữ	Anh	KTCN	THCS Tây Mỗ
1	7	14	NTL184	Đỗ Thị	Duyên	13/4/1990	Nữ	Anh	KTCN	THCS Trung văn
1	7	15	NTL185	Lê Thị	Hải	29/11/1988	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Cầu Diễn
1	7	16	NTL186	Phùng Thị Bích	Huyền	8/3/1997	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Cầu Diễn
1	7	17	NTL187	Đoàn Thị	Trang	20/5/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Cầu Diễn
1	7	18	NTL188	Nguyễn Thị	Vui	10/10/1992	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Cầu Diễn
1	7	19	NTL189	Phạm Thu	Hương	17/8/1990	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 1
1	7	20	NTL190	Lê Thị Thu	Hương	6/6/1993	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 1
1	7	21	NTL191	Phùng Thị Thu	Hường	11/10/1993	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 1
1	7	22	NTL192	Trần Minh	Phượng	18/7/1989	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 1
1	7	23	NTL193	Nguyễn Thị	Trang	6/5/1985	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 1
1	7	24	NTL194	Nguyễn Thị	Yến	28/9/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 1
1	7	25	NTL195	Nguyễn Minh	Anh	17/9/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 2

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	7	26	NTL196	Trần Thị Hồng	Liên	26/6/1994	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 2
1	8	1	NTL197	Nguyễn Hồng	Nhung	18/1/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 2
1	8	2	NTL198	Lê Thị Phương	Oanh	18/9/1983	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 2
1	8	3	NTL199	Nguyễn Thị Minh	Thái	18/9/2000	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Mỹ Đình 2
1	8	4	NTL200	Phạm Thị Hồng	Anh	21/5/1995	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Nguyễn Quý Đức
1	8	5	NTL201	Vũ Văn	Công	6/10/1999	Nữ	Trung Quốc	Lịch sử	THCS Nguyễn Quý Đức
1	8	6	NTL202	Đỗ Thị Thùy	Dương	27/3/1999	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Nguyễn Quý Đức
1	8	7	NTL203	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/6/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Nguyễn Quý Đức
1	8	8	NTL204	Đào Thị	Thương	18/7/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Nguyễn Quý Đức
1	8	9	NTL205	Nguyễn Thị	Trang	1/10/1988	Nữ	Tiếng Nga	Lịch sử	THCS Nguyễn Quý Đức
1	8	10	NTL206	Nguyễn Thị	Hà	11/5/1989	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Phú Đô
1	8	11	NTL207	Lê Thu	Hằng	28/7/1994	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Phú Đô
1	8	12	NTL208	Hà Thị	Huế	06/08/1990	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Phú Đô
1	8	13	NTL209	Quán Thị	Khoái	20/01/1993	Nữ	Anh	Lịch Sử	THCS Phú Đô
1	8	14	NTL210	Phạm Thị	Liên	29/4/1983	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Phú Đô
1	8	15	NTL211	Đinh Thị Tài	Linh	10/3/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Phú Đô
1	8	16	NTL212	Đỗ Thị	Loan	2/8/1994	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Phú Đô
1	8	17	NTL213	Trần Minh	Quỳnh	16/7/1998	Nữ	Anh	Lịch sử	THCS Phú Đô
1	8	18	NTL214	Nguyễn Thu	Giang	11/2/1988	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Cầu Diễn
1	8	19	NTL215	Vũ Thị	Hòa	22/1/1989	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Cầu Diễn
1	8	20	NTL216	Trần Thị	Hương	15/8/1995	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Cầu Diễn
1	8	21	NTL217	Ngô Thị	Nga	21/11/1990	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Cầu Diễn
1	8	22	NTL218	Lã Hương	Giang	24/9/1993	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Đại Mỗ
1	8	23	NTL219	Lê Thị	Huy	1/6/1986	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Đại Mỗ
1	8	24	NTL220	Nguyễn Thu	Huyền	10/9/1990	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Đại Mỗ
1	8	25	NTL221	Nguyễn Thị	Huyền	29/8/1988	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Đại Mỗ
1	8	26	NTL222	Lê Trà	Mi	30/8/1990	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Đại Mỗ
1	8	27	NTL223	Trần Thị	Nga	3/9/1992	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Đại Mỗ
1	8	28	NTL224	Nguyễn Thị	Nhàn	12/2/1991	Nữ	Anh	Mỹ thuật	THCS Đại Mỗ
1	8	29	NTL225	Nguyễn Minh	Anh	5/12/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	8	30	NTL226	Trần Thị	Giang	18/10/1996	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	8	31	NTL227	Trần Hiếu	Linh	28/11/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	8	32	NTL228	Dương Thị Trà	My	3/2/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	8	33	NTL229	Nguyễn Linh Trang	25/7/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	8	34	NTL230	Nguyễn Thị Hải Yến	28/12/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	8	35	NTL231	Đào Thị Vân Anh	18/5/1994	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	36	NTL232	Nguyễn Thị Đào	23/8/1990	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	37	NTL233	Lưu Thị Hạnh	04/08/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	38	NTL234	Nguyễn Thị Hằng	26/8/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	39	NTL235	Đậu Thị Thu Hiền	2/9/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	40	NTL236	Nguyễn Như Hoa	1/10/1994	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	41	NTL237	Chữ Quang Minh	5/2/1994	Nam	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	42	NTL238	Vũ Hồng Ngọc	27/11/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	43	NTL239	Trần Thị Nhung	6/12/1994	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	44	NTL240	Tạ Thị Diệu Ly	16/3/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	45	NTL241	Lê Phương Thảo	8/9/1987	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	46	NTL242	Kiều Thị Thủy	21/4/1987	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	47	NTL243	Nguyễn Thị Thanh Thủy	13/4/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	8	48	NTL244	Tạ Thị Vân	28/7/1984	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Cầu Diễn
1	9	1	NTL245	Nguyễn Hải Anh	6/12/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	2	NTL246	Vũ Thị Ngọc Ánh	29/09/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	3	NTL247	Nguyễn Thu Hà	24/9/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	4	NTL248	Nguyễn Thị Thanh Hằng	15/10/1998	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	5	NTL249	Bùi Thị Thu Hương	26/12/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	6	NTL250	Dương Thị Phương Lan	18/7/1991	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	7	NTL251	Nguyễn Thị Thu Liễu	27/11/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	8	NTL252	Bùi Thị Linh	15/10/1996	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	9	NTL253	Phó Hữu Mạnh	26/8/1991	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	10	NTL254	Trần Thị Kim Ngân	10/9/1992	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	11	NTL255	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/11/1988	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	12	NTL256	Phạm Thị Thu Trang	02/8/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	13	NTL257	Đinh Thị Vân	09/9/1992	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Lý Nam Đế
1	9	14	NTL258	Lê Minh Anh	9/4/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	15	NTL259	Đỗ Thu Hạnh	15/10/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	16	NTL260	Vũ Minh Hiền	6/9/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	17	NTL261	Dương Yến Linh	19/12/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
1	9	18	NTL262	Dương Mỹ	Quỳnh	26/1/2001	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	19	NTL263	Phạm Thị Thanh	Thảo	27/5/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	20	NTL264	Bùi Phương	Thảo	7/8/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	21	NTL265	Đỗ Thị Hồng	The	24/4/1989	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	22	NTL266	Lê Văn	Vinh	18/9/1998	Nam	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 1
1	9	23	NTL267	Bùi Thùy	Dương	10/11/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	24	NTL268	Doãn Thị Hoàng	Giang	8/8/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	25	NTL269	Vũ Thị Minh	Hằng	24/5/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	26	NTL270	Kiều Thu	Huyền	23/10/1998	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	27	NTL271	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	11/6/1993	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	28	NTL272	Trịnh Minh	Phương	1/11/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	29	NTL273	Nguyễn Sao	Mai	22/1/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	30	NTL274	Trịnh Minh	Tâm	27/1/2001	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	31	NTL275	Nguyễn Thị	Tươi	14/11/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	32	NTL276	Nguyễn Thu	Trang	4/3/1998	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	33	NTL277	Trần Thị Thu	Uyên	14/6/1996	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Mỹ Đình 2
1	9	34	NTL278	Nguyễn Mỹ	An	30/01/2001	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	35	NTL279	Ong Diệu	Anh	02/01/1998	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	36	NTL280	Trần Thị Phương	Anh	24/9/1982	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	37	NTL281	Nguyễn Thanh	Bình	09/01/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	38	NTL282	Nguyễn Thị	Dương	19/06/1995	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	39	NTL283	Trần Thị Thanh	Hòa	19/11/1988	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	40	NTL284	Nguyễn Thị	Huệ	13/3/1993	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	41	NTL285	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/01/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	42	NTL286	Đào Thị	Khuyên	14/03/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	43	NTL287	Nguyễn Hồng	Ngọc	19/3/1996	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	44	NTL288	Phùng Thị Anh	Ngọc	17/1/1989	Nữ	Anh	Ngữ Văn	THCS Phú Đô
1	9	45	NTL289	Lê Hồng	Loan	10/10/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	46	NTL290	Nguyễn Thị Hoài	Phương	23/1/1998	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
1	9	47	NTL291	Nguyễn Thị	Tĩnh	10/3/1991	Nữ	Anh	Ngữ Văn	THCS Phú Đô
1	9	48	NTL292	Vũ Thị	Trang	20/5/1990	Nữ	Anh	Ngữ Văn	THCS Phú Đô
2	1	1	NTL293	Đỗ Thị	Thuận	17/07/1987	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô
2	1	2	NTL294	Nguyễn Anh	Tuấn	4/10/1989	Nam	Anh	Ngữ văn	THCS Phú Đô

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	1	3	NTL295	Nguyễn Thị Kim Cúc	5/10/1991	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	4	NTL296	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/11/1990	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	5	NTL297	Ngô Mai Hương	28/8/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	6	NTL298	Hoàng Thị Huyền	16/1/1995	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	7	NTL299	Lê Thị Ngọc Linh	14/2/1996	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	8	NTL300	Kiều Thị Biên	15/6/1991	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	9	NTL301	Nguyễn Thị Cúc	25/11/1994	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	10	NTL302	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	23/6/1997	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	11	NTL303	Nguyễn Thị Hương	16/12/1993	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	12	NTL304	Nguyễn Thanh Huyền	22/4/1998	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	13	NTL305	Nguyễn Lan Hương	14/11/1987	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	14	NTL306	Nguyễn Thị Linh	11/7/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	15	NTL307	Nguyễn Thị Ngọc Loan	8/11/2000	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	16	NTL308	Trần Hà Ly	29/7/1994	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	17	NTL309	Nguyễn Thị Ly	22/7/1987	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	18	NTL310	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/1/1994	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	19	NTL311	Nguyễn Thị Nhung	9/11/1993	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	1	20	NTL312	Hà Thị Quỳnh	19/10/1992	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	2	1	NTL313	Nguyễn Thị Thanh Tâm	13/12/1995	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	2	2	NTL314	Lê Lam Tiên	22/2/1999	Nữ	Anh	Ngữ văn	THCS Phương Canh
2	2	3	NTL315	Nguyễn Thị Duyên	26/4/1996	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	4	NTL316	Đỗ Thị Ngân Hà	21/10/1994	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	5	NTL317	Nguyễn Minh Hải	1/9/1994	Nam	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	6	NTL318	Vũ Thị Hồng	9/5/1996	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	7	NTL319	Nguyễn Thị Hồng	18/2/2000	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	8	NTL320	Cao Thị Minh Huệ	8/3/1998	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	9	NTL321	Nguyễn Trang Nhung	8/4/1995	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	10	NTL322	Nguyễn Thị Nhung	5/6/1988	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	11	NTL323	Nguyễn Thị Thanh Phượng	9/4/1995	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	12	NTL324	Bùi Thị Như Quỳnh	6/12/1995	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	13	NTL325	Bàn Kim Thùy	18/7/1989	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Cầu Diễn
2	2	14	NTL326	Nguyễn Thị Thúy Hồng	2/11/1997	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	15	NTL327	Lê Hoài Linh	20/5/1997	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	2	16	NTL328	Lê Thị Tuyết Mai	21/3/1996	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	17	NTL329	Nguyễn Thị Minh	03/10/1997	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	18	NTL330	Trần Thị Hữu Nghĩa	26/12/2000	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	19	NTL331	Dương Thị Nhung	16/7/1995	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	20	NTL332	Lê Hoàng Phương	23/8/1998	Nữ	MNN	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	21	NTL333	Nguyễn Thị Phương	26/11/1992	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	22	NTL334	Lê Thị Thu	24/6/1997	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	23	NTL335	Nguyễn Thị Hà Trang	29/5/1994	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	24	NTL336	Nguyễn Thị Yến	12/9/1995	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Phương Canh
2	2	25	NTL337	Nguyễn Kim Anh	9/9/1990	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	26	NTL338	Nguyễn Thị Thu Hạnh	04/05/1994	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	27	NTL339	Phùng Thị Hoa	6/8/1997	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	28	NTL340	Khuong Thị Minh Huệ	30/11/1996	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	29	NTL341	Tạ Thị Hương	22/7/1996	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	30	NTL342	Nguyễn Thị Phương Liên	24/8/1989	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	31	NTL343	Nguyễn Thị Mến	05/01/1997	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	32	NTL344	Nguyễn Thị Mến	15/10/1997	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	33	NTL345	Đỗ Thị Minh Thư	30/9/1999	Nữ	Anh	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	34	NTL346	Nguyễn Thị Hải Yến	1/9/1992	Nữ	MNN	Sinh học	THCS Tây Mỗ
2	2	35	NTL347	Lương Thị Thu Phương	26/11/1991	Nữ	Anh	Thiết bị thí nghiệm	THCS Cầu Diễn
2	2	36	NTL348	Nguyễn Thị Hường	12/5/1994	Nữ	Anh	Thiết bị thí nghiệm	THCS Tây Mỗ
2	3	1	NTL349	Dương Duy Anh	9/8/1996	Nam	Anh	Thư viện	THCS Cầu Diễn
2	3	2	NTL350	Nguyễn Thanh Hương	24/5/1987	Nữ	Anh	Thư viện	THCS Mỹ Trì
2	3	3	NTL351	Đỗ Thị Thanh Huyền	25/3/1991	Nữ	Anh	Thư viện	THCS Phương Canh
2	3	4	NTL352	Phí Kiều Oanh	16/7/1999	Nữ	Anh	Thư viện	THCS Phương Canh
2	3	5	NTL353	Nguyễn Thị Lan	14/10/1996	Nữ	Anh	Thư viện	THCS Tây Mỗ
2	3	6	NTL354	Nguyễn Thị Lương	20/1/1995	Nữ	Anh	Thư viện	THCS Tây Mỗ
2	3	7	NTL355	Trần Thu Thảo	6/6/1989	Nữ	Anh	Thư viện	THCS Tây Mỗ
2	3	8	NTL356	Đỗ Thị Toán	25/11/1993	Nữ	Anh	Thư viện, thiết bị trường	THCS Phương Canh
2	3	9	NTL357	Ngô Thị Kim Anh	18/5/1985	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	10	NTL358	Vũ Nhật Anh	25/9/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	11	NTL359	Nguyễn Thị Thu Cách	16/9/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	12	NTL360	Nguyễn Linh Chi	1/2/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	3	13	NTL361	Lại Thị Chúc	12/4/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	14	NTL362	Lê Xuân Diễm	3/7/1984	Nam	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	15	NTL363	Hoàng Thị Hương Giang	20/6/2001	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	16	NTL364	Nguyễn Thị Thu Hà	12/7/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	17	NTL365	Nguyễn Thị Hà	4/9/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	18	NTL366	Nguyễn Thị Hào	8/9/1983	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	19	NTL367	Nguyễn Thu Hiền	5/4/2001	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	20	NTL368	Lê Minh Hiếu	28/2/1998	Nam	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	21	NTL369	Phan Thị Hồng Hoa	25/9/1980	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	22	NTL370	Nguyễn Thị Hòa	11/11/1984	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	23	NTL371	Trần Hương Hương	27/8/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	24	NTL372	Bùi Thị Bích Hường	28/11/1991	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	25	NTL373	Nguyễn Mai Hương	13/08/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	26	NTL374	Bùi Thị Thu Hương	17/2/1995	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	27	NTL375	Nguyễn Thị Huyền	31/12/1987	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	28	NTL376	Trần Thị Lê Mai	16/9/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	29	NTL377	Trần Thị Nga	23/10/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	30	NTL378	Đỗ Thị Nguyễn	17/07/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	31	NTL379	Dương Thị Nương	5/12/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	32	NTL380	Trần Thị Minh Phượng	6/10/1985	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	33	NTL381	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	23/3/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	34	NTL382	Nguyễn Thu Trang	25/11/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Cầu Diễn
2	3	35	NTL383	Lê Thị Lan Anh	02/10/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Đại Mỹ
2	3	36	NTL384	Nguyễn Cẩm Anh	28/9/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Đại Mỹ
2	4	1	NTL385	Lê Hải Dung	23/11/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Đại Mỹ
2	4	2	NTL386	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/3/1990	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Đại Mỹ
2	4	3	NTL387	Nguyễn Thị Hoa	21/3/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Đại Mỹ
2	4	4	NTL388	Lê Thị Thanh Hoa	2/2/1984	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Đại Mỹ
2	4	5	NTL389	Vương Hồng Nhung	8/1/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Đại Mỹ
2	4	6	NTL390	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	7/1/1995	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Lý Nam Đế
2	4	7	NTL391	Vũ Thị Hợp	20/8/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Lý Nam Đế
2	4	8	NTL392	Hoàng Thị Thu Thảo	17/5/1995	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Lý Nam Đế
2	4	9	NTL393	Nguyễn Thị Vui	17/11/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Lý Nam Đế

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	4	10	NTL394	Nguyễn Thị	Nhung	26/1/1983	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Tri
2	4	11	NTL395	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/5/1999	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Tri
2	4	12	NTL396	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	06/9/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 1
2	4	13	NTL397	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	17/7/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 1
2	4	14	NTL398	Bùi Tuyết	Minh	28/4/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 1
2	4	15	NTL399	Nguyễn Thị	Nhung	30/11/1991	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 1
2	4	16	NTL400	Lưu Trà	Giang	22/3/1984	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 2
2	4	17	NTL401	Hồ Thị	Hải	28/6/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 2
2	4	18	NTL402	Nguyễn Thị	Hoa	19/3/1998	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 2
2	4	19	NTL403	Đỗ Quỳnh	Linh	23/6/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Mỹ Đình 2
2	4	20	NTL404	Nguyễn Huyền	Linh	22/3/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Phương Canh
2	4	21	NTL405	Lê Thị Hồng	Loan	13/2/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Phương Canh
2	4	22	NTL406	Nguyễn Thị	Luyến	04/04/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Phương Canh
2	4	23	NTL407	Nguyễn Thị	Thảo	22/10/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Phương Canh
2	4	24	NTL408	Trần Thị Hoài	Anh	1/10/1990	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Tây Mỗ
2	4	25	NTL409	Nguyễn Thị	Dương	19/7/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Tây Mỗ
2	4	26	NTL410	Vũ Minh	Hòa	21/5/1999	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Tây Mỗ
2	5	1	NTL411	Hoàng Thị	Lan	27/12/1986	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Tây Mỗ
2	5	2	NTL412	Nguyễn Thị	Nga	15/1/1990	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Tây Mỗ
2	5	3	NTL413	Nguyễn Thị Kim	Dung	10/1/1998	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	4	NTL414	Nguyễn Thị	Duyên	1/8/1986	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	5	NTL415	Bùi Ngọc	Mai	1/8/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	6	NTL416	Trương Thanh	Mai	28/6/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	7	NTL417	Hoàng Thùy	Phương	26/4/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	8	NTL418	Nghiêm Thị Hồng	Tâm	26/3/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	9	NTL419	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	6/5/1977	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	10	NTL420	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	28/8/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	11	NTL421	Nguyễn Thu	Thủy	3/8/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Trung văn
2	5	12	NTL422	Nguyễn Thị	Doan	9/5/1992	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	13	NTL423	Mai Thu	Hà	21/5/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	14	NTL424	Phạm Thị	Hân	27/01/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	15	NTL425	Hoàng Thị	Hoa	21/9/1991	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	16	NTL426	Trần Thị	Hương	13/11/1999	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	5	17	NTL427	Đặng Ngọc Linh	4/3/1999	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	18	NTL428	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/12/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	19	NTL429	Nguyễn Thị Lụa	30/4/1997	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	20	NTL430	Nguyễn Thị Thanh Mai	22/12/1996	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	21	NTL431	Nguyễn Thị Minh	24/8/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	22	NTL432	Hoàng Thị Hằng Nga	14/8/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	23	NTL433	Phạm Thị Hà Phương	20/7/1994	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	24	NTL434	Đàm Thanh Quyên	16/9/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	25	NTL435	Phạm Thị Hồng Thắm	26/7/1988	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	5	26	NTL436	Nguyễn Thị Thanh	12/7/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	6	1	NTL437	Lê Thị Thu Thủy	14/1/1989	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	6	2	NTL438	Trần Thị Trang	02/9/1999	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	6	3	NTL439	Nguyễn Văn Thắm Trinh	22/09/2000	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	6	4	NTL440	Trần Khánh Nga	9/9/1993	Nữ	MNN	Tiếng Anh	THCS Xuân Phương
2	6	5	NTL441	Đào Thị Thu Hiền	1/9/1989	Nữ	Anh	Tin học	THCS Mỹ đình 2
2	6	6	NTL442	Phùng Thị Oanh	10/12/1982	Nữ	Anh	Tin học	THCS Mỹ Đình 2
2	6	7	NTL443	Duy Thị Dung	13/10/1978	Nữ	Anh	Tin học	THCS Tây Mỗ
2	6	8	NTL444	Nguyễn Việt Hà	4/10/1985	Nam	Anh	Tin học	THCS Tây Mỗ
2	6	9	NTL445	Phùng Thị Hải	10/9/1989	Nữ	Anh	Tin học	THCS Tây Mỗ
2	6	10	NTL446	Vũ Thị Thu Hương	9/7/1989	Nữ	Anh	Tin học	THCS Tây Mỗ
2	6	11	NTL447	Nguyễn Thị Nghĩa	23/7/1996	Nữ	Anh	Tin học	THCS Tây Mỗ
2	6	12	NTL448	Nguyễn Thị Phương	4/1/1992	Nữ	Anh	Tin học	THCS Tây Mỗ
2	6	13	NTL449	Trần Thị Loan	11/11/1981	Nữ	Anh	Tin học	THCS Xuân Phương
2	6	14	NTL450	Nghiêm Thị Hà Nam	19/7/1984	Nữ	Anh	Tin học	THCS Xuân Phương
2	6	15	NTL451	Đặng Thị Kim Thoa	17/9/1994	Nữ	Anh	Tin học	THCS Xuân phương
2	6	16	NTL452	Nguyễn Thị Lan Anh	1/6/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	17	NTL453	Đinh Thị Mai Anh	13/11/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	18	NTL454	Phùng Thị Ánh	20/10/1991	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	19	NTL455	Tạ Thị Chung	24/12/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	20	NTL456	Tăng Thị Đức	16/9/1988	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	21	NTL457	Nguyễn Thị Giang	22/3/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	22	NTL458	Nguyễn Thị Ngọc Hà	21/11/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	23	NTL459	Phạm Thị Ngọc Hà	13/12/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	6	24	NTL460	Chu Thị Hà	1/9/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	25	NTL461	Vũ Thanh Hà	27/4/1988	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	6	26	NTL462	Nguyễn Thị Hằng	24/9/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	1	NTL463	Ngô Thị Hằng	23/7/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	2	NTL464	Nguyễn Đức Hiệp	21/10/1996	Nam	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	3	NTL465	Phạm Trung Hiếu	7/4/1995	Nam	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	4	NTL466	Phạm Thị Thúy Hoa	29/7/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	5	NTL467	Nguyễn Thị Hoa	10/2/1990	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	6	NTL468	Vương Thị Thúy Hồng	19/12/1991	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	7	NTL469	Nguyễn Thị Ngọc Hương	27/7/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	8	NTL470	Nguyễn Thị Huyền	15/10/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	9	NTL471	Nguyễn Thị Ánh Huyền	10/7/1989	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	10	NTL472	Lê Thị Thùy Linh	12/12/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	11	NTL473	Nguyễn Thị Phương Linh	3/4/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	12	NTL474	Nguyễn Văn Loan	22/10/1988	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	13	NTL475	Lê Hải Ly	16/9/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	14	NTL476	Trần Thị Hương Ly	10/1/1989	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	15	NTL477	Trần Thị Ngọc Mai	10/8/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	16	NTL478	Lê Thị Mai	5/12/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	17	NTL479	Hoàng Bình Minh	22/2/2000	Nam	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	18	NTL480	Vũ Thị Na	12/3/1988	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	19	NTL481	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	25/9/2001	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	20	NTL482	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/1/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	21	NTL483	Lê Thị Kim Oanh	2/9/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	22	NTL484	Nguyễn Thị Oanh	1/3/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	23	NTL485	Nguyễn Thị Hồng Phương	26/2/1991	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	24	NTL486	Nguyễn Thị Thanh	3/1/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	25	NTL487	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/5/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	7	26	NTL488	Nguyễn Thị Hương Thảo	22/3/1992	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	1	NTL489	Nguyễn Thị Thảo	20/1/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	2	NTL490	Phùng Thị Ngọc Thúy	12/10/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	3	NTL491	Đào Thị Trang	28/4/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	4	NTL492	Kiều Huyền Trang	5/1/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	8	5	NTL493	Hoàng Huyền	Trang	26/9/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	6	NTL494	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/09/1990	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	7	NTL495	Chu Thị Quỳnh	Trang	16/9/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	8	NTL496	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/2/2001	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	9	NTL497	Phạm Thi	Vân	11/9/1990	Nữ	Anh	Toán	THCS Cầu Diễn
2	8	10	NTL498	Đỗ Phương	Anh	12/12/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	11	NTL499	Lê Thục	Anh	13/11/2001	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	12	NTL500	Nguyễn Hoài	Anh	4/3/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	13	NTL501	Nguyễn Lan	Anh	25/1/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	14	NTL502	Lê Thị Minh	Bắc	6/11/1989	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	15	NTL503	Tăng Thị Minh	Cô	15/3/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	16	NTL504	Nguyễn Mạnh	Cường	05/12/1996	Nam	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	17	NTL505	Nguyễn Quý	Đôn	26/11/1993	Nam	MNN	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	18	NTL506	Nguyễn Thị	Hà	9/11/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	19	NTL507	Nguyễn Hồng	Hải	7/9/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	20	NTL508	Nguyễn Thu	Hằng	9/5/2001	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	21	NTL509	Hoàng Thị	Hoa	30/06/1992	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	22	NTL510	Trần Khánh	Hòa	7/2/1999	Nam	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	23	NTL511	Trần Thị Thu	Hương	3/5/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	24	NTL512	Đỗ Thị	Hường	7/11/1991	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	25	NTL513	Nguyễn Thị	Huyền	12/10/1991	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	26	NTL514	Lê Thị	Huyền	17/1/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	27	NTL515	Đặng Thị Thu	Huyền	16/3/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	28	NTL516	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	4/7/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	29	NTL517	Nguyễn Thu	Mai	14/3/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	30	NTL518	Nguyễn Thị Phương	Mai	02/11/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	31	NTL519	Nguyễn Văn	Minh	20/8/2000	Nam	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	32	NTL520	Nguyễn Thị	Nga	5/11/1990	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	33	NTL521	Trần Thị Mỹ	Ngọc	30/3/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	34	NTL522	Trần Thị	Ngọc	1/1/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	35	NTL523	Lê Thị Hồng	Ngọc	21/10/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	36	NTL524	Đào Thị Mai	Phượng	25/7/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	37	NTL525	Nguyễn Thị	Phượng	22/11/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	8	38	NTL526	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	12/1/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	39	NTL527	Nguyễn Thị Hà Phương	14/4/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	40	NTL528	Mai Thị Phương	24/9/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	41	NTL529	Trần Thị Phương	20/12/1990	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	42	NTL530	Trịnh Kiều Xuân Phương	10/11/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	43	NTL531	Nguyễn Phương Thảo	11/12/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	44	NTL532	Nguyễn Thị Thảo	24/01/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	45	NTL533	Nguyễn Thị Bích Thảo	19/5/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	46	NTL534	Trần Thị Thu Thủy	20/8/1985	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	47	NTL535	Đào Thị Huyền Trang	23/9/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	8	48	NTL536	Lê Thủy Trang	15/2/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	9	1	NTL537	Đỗ Thủy Trinh	1/12/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	9	2	NTL538	Nguyễn Tiến Tùng	27/12/1997	Nam	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	9	3	NTL539	Hoàng Thị Tuyền	11/11/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	9	4	NTL540	Bùi Thị Kim Tuyền	21/10/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	9	5	NTL541	Đào Quang Vinh	28/9/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Lý Nam Đế
2	9	6	NTL542	Lê Thị Trường An	20/8/1992	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	7	NTL543	Vũ Ngọc Anh	16/9/1997	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	8	NTL544	Trần Huyền Anh	29/8/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	9	NTL545	Nguyễn Ngọc Bằng	2/11/1995	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	10	NTL546	Lưu Bích Diệp	11/8/1992	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	11	NTL547	Lê Thị Lâm Giang	7/9/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	12	NTL548	Dương Thu Hà	27/12/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	13	NTL549	Hoàng Thị Hiền	31/12/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	14	NTL550	Đỗ Thị Thu Hiền	18/10/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	15	NTL551	Vũ Thị Thanh Hiền	30/7/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	16	NTL552	Nguyễn Thị Thanh Hiền	16/3/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	17	NTL553	Vũ Minh Hiếu	10/6/2001	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	18	NTL554	Phạm Thị Thu Hòa	03/7/1986	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	19	NTL555	Nguyễn Văn Hùng	22/9/1988	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	20	NTL556	Trần Thị Hương	15/6/1989	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	21	NTL557	Trần Khánh Huyền	20/9/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì
2	9	22	NTL558	Nguyễn Thị Huyền	7/3/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Trì

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
2	9	23	NTL559	Nguyễn Ngọc Huyền	31/10/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	24	NTL560	Lê Thị Liễu	27/3/1985	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	25	NTL561	Phương Hồng Linh	15/1/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	26	NTL562	Bùi Thị Hồng Linh	15/10/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	27	NTL563	Nguyễn Thị Ly	1/1/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	28	NTL564	Nguyễn Thị Mai	26/8/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	29	NTL565	Đặng Thị Nga	13/5/1981	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	30	NTL566	Nguyễn Thị Hằng Nga	11/11/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	31	NTL567	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01/9/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	32	NTL568	Khuất Thị Hà Phương	22/8/1989	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	33	NTL569	Phạm Thị Ánh Sương	15/5/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	34	NTL570	Nguyễn Thị Thanh	11/11/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	35	NTL571	Nguyễn Thị Thanh Thanh	18/12/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	36	NTL572	Nguyễn Thị Huyền Thanh	18/6/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	37	NTL573	Đặng Thị Phương Thảo	29/09/1995	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	38	NTL574	Võ Phương Thảo	5/10/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	39	NTL575	Nguyễn Phương Thảo	6/11/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	40	NTL576	Nguyễn Phương Thảo	19/2/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	41	NTL577	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/8/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	42	NTL578	Đào Thị Thương	18/4/1987	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	43	NTL579	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	24/11/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	44	NTL580	Đỗ Thị Thúy	29/02/1988	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	45	NTL581	Đoàn Thị Thùy	17/2/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	46	NTL582	Lê thị Thủy Tiên	26/9/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	47	NTL583	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
2	9	48	NTL584	Nguyễn Thu Trang	29/6/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
3	1	1	NTL585	Phạm Vũ Lan Trang	24/12/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
3	1	2	NTL586	Đỗ Thùy Trang	13/9/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
3	1	3	NTL587	Nguyễn Minh Tuấn	22/2/1998	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
3	1	4	NTL588	Lê Thị Minh Huệ	07/7/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
3	1	5	NTL589	Đỗ Thị Tuyền	4/9/1993	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
3	1	6	NTL590	Nguyễn Thị Phương Uyên	17/5/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri
3	1	7	NTL591	Trần Hà Vy	9/12/2001	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Tri

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên		ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
3	1	8	NTL592	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	8/5/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	9	NTL593	Đỗ Ngọc	Ánh	19/11/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	10	NTL594	Nguyễn Mạnh	Cường	04/5/1996	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	11	NTL595	Đào Thị Thanh	Dung	10/5/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	12	NTL596	Vũ Trường	Giang	11/12/1999	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ đình 1
3	1	13	NTL597	Trịnh Thị Hương	Giang	9/7/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	14	NTL598	Đinh Thu	Hiền	9/12/1988	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	15	NTL599	Phạm Thị Thu	Hiền	8/7/2001	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	16	NTL600	Nguyễn Thị	Hiền	15/7/1986	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	17	NTL601	Ngô Trung	Hiếu	1/10/1996	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	18	NTL602	Lê Thị	Hòa	11/10/1988	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	19	NTL603	Đặng Thúy	Hoài	19/3/2000	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	1	20	NTL604	Trần Mạnh	Hung	2/10/1995	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	1	NTL605	Nguyễn Thị Thanh	Hương	12/9/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	2	NTL606	Hà Thanh	Liêm	9/12/2000	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	3	NTL607	Nguyễn Hồng	Loan	27/10/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	4	NTL608	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	14/10/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	5	NTL609	Trần Thị	Mận	14/6/1989	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	6	NTL610	Hà Đức	Minh	1/11/1995	Nam	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	7	NTL611	Đặng Trà	My	19/7/1996	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	8	NTL612	Phạm Thị Quỳnh	Nga	31/12/1991	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	9	NTL613	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/9/1992	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	10	NTL614	Vũ Thị Hải	Nguyệt	27/10/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	11	NTL615	Vương Thị	Quỳnh	2/2/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	12	NTL616	Trần Phương	Thảo	02/8/1992	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	13	NTL617	Trần Thị	Thảo	1/9/1998	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	14	NTL618	Nguyễn Thị Thảo	Trang	17/9/1994	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	15	NTL619	Nguyễn Thu	Trang	3/9/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	16	NTL620	Lê Thị	Trang	24/4/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	17	NTL621	Lê Thị Thu	Uyên	1/2/1999	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	18	NTL622	Lê Hải	Yến	30/5/1997	Nữ	Anh	Toán	THCS Mỹ Đình 1
3	2	19	NTL623	Ngô Thị	Hoa	24/4/1999	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	2	20	NTL624	Trần Thu	Huyền	27/12/1986	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
3	2	21	NTL625	Nguyễn Văn Thùy	24/2/1989	Nam	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	2	22	NTL626	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/3/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	2	23	NTL627	Lê Thị Hồng	11/01/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	2	24	NTL628	Cần Thị Lan Hương	10/02/1995	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	2	25	NTL629	Nguyễn Thị Thảo Linh	09/10/1999	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	2	26	NTL630	Phan Thanh Nga	16/7/1998	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	2	27	NTL631	Nguyễn Thu Thủy	13/10/1999	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	2	28	NTL632	Nguyễn Thị Trang	18/11/1988	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	2	29	NTL633	Nguyễn Thị Yên	04/01/1987	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	2	30	NTL634	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/7/2000	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	2	31	NTL635	Lê Thị Lan Anh	1/11/1997	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	2	32	NTL636	Lê Thị Giang	17/7/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	2	33	NTL637	Nguyễn Bá Thị Bích Hạnh	19/02/1999	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	2	34	NTL638	Phạm Thị Mỹ Hạnh	31/1/2000	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	3	1	NTL639	Nguyễn Thị Hoan	30/1/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	3	2	NTL640	Bùi Thị Huệ	26/6/1996	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	3	3	NTL641	Phan Thị Hương Sen	15/1/1995	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	3	4	NTL642	Trần Ngọc Trâm	1/8/2000	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	3	5	NTL643	Nguyễn Thị Thu Uyên	6/5/1997	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Cầu Diễn
3	3	6	NTL644	Nguyễn Thị Phương Anh	17/12/1997	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	7	NTL645	Dương Thị Giang	16/12/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	8	NTL646	Hoàng Thị Hậu	16/8/1991	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	9	NTL647	Nguyễn Thị Hoàn	01/01/1995	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	10	NTL648	Nguyễn Thu Hường	26/2/2000	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	11	NTL649	Nguyễn Thị Ngọc	3/8/1995	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	12	NTL650	Nguyễn Thị Ngọc	20/2/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	13	NTL651	Phạm Thị Huyền Trang	27/12/1996	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	14	NTL652	Phạm Thị Tuyết	25/3/1993	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Lý Nam Đế
3	3	15	NTL653	Phí Ngọc Anh	04/2/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	16	NTL654	Trương Thị Minh Châu	30/7/1995	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	17	NTL655	Phùng Thị Hà	8/7/1993	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	18	NTL656	Lê Minh Hằng	21/7/1996	Nữ	Anh	Vật Lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	19	NTL657	Nguyễn Thị Hoa	2/9/1997	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức

Ca thi	Phòng	TT	Sbd	Họ và tên	ngày_sinh	GT	Ngoại ngữ dự thi	Môn đăng ký dự tuyển	Trường ĐK dự tuyển
3	3	20	NTL658	Nguyễn Ngọc Huyền	19/9/1995	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	21	NTL659	Nguyễn Thu Huyền	8/10/2000	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	22	NTL660	Ngô Phương Linh	01/12/2000	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	23	NTL661	Lê Thành Nam	02/6/1998	Nam	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	24	NTL662	Phạm Văn Nguyên	27/8/1994	Nam	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	25	NTL663	Phan Thị Như Nguyệt	14/2/1995	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	26	NTL664	Nguyễn Thị Thái	5/8/1987	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	27	NTL665	Nguyễn Thị Hương Trang	10/9/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	28	NTL666	Trương Thị Thiên Trang	24/6/1996	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	29	NTL667	Nguyễn Thị Tươi	12/5/1986	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	30	NTL668	Nguyễn Thị Uyên	12/12/1994	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	31	NTL669	Trần Phương Yên	21/10/2000	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	32	NTL670	Đặng Thị Nhung	4/9/1990	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức
3	3	33	NTL671	Nguyễn Thị Thảo	23/9/1989	Nữ	Anh	Vật lý	THCS Nguyễn Quý Đức